TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Ai Giôn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trà Giang
Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20-3-2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2025/TLST-DS ngày 10-11-2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29-01-2026, quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26-02-2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đồng Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp Hải Hà 1, xã L, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp H xã L, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện ma túy số 6, ấp Phú Thiện, xã Hòa Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình tố tụng nguyên đơn bà Đồng Thị H trình bày:

Bà Đồng Thị H (Bà H) và ông Nguyễn Thành T (Ông T) đi đến chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2012. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có ai mai mối hay ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, không khí gia đình luôn căng thẳng. Từ những mâu thuẫn trên khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần. Nay, bà H cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành T có 02 con chung tên Nguyễn Đồng Kim Thi, sinh ngày 19-6-2017, Nguyễn Đồng Kim Thư, sinh ngày 11-11-2012. Hiện nay, 02 con chung đang sống cùng bà H. Bà Đồng Thị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Đồng Kim Thi, sinh ngày 19-6-2017, Nguyễn Đồng Kim Thư, sinh ngày 11-11-2012, không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T đều vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp*:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiếu hỗ trợ xác minh ngày 25-11-2025, Công an xã L cho biết ông T có đăng ký thường trú tại Tổ 10, ấp Hải Hà 1, xã L, thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang ở Cơ sở cai nghiện ma túy số 6, ấp Phú Thiện, xã Hòa Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Khu vực 13 đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T tại địa chỉ Cơ sở cai nghiện ma túy số 6, ấp Phú Thiện, xã Hòa Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa sơ thẩm thứ nhất và cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 72, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2]. *Về hôn nhân*:

Ông T và bà H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L được chứng minh bằng Giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Từ mâu thuẫn này, hai bên không thể

tự hòa giải mâu thuẫn mà thường xuyên cãi vả nhau. Vì vậy, ông T và bà H đã sống ly thân, không còn quan hệ với nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét thấy giữa ông T và bà H không còn quan T đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3]. *Về con chung*:

Bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành T có 02 con chung tên Nguyễn Đồng Kim Thi, sinh ngày 19-6-2017, Nguyễn Đồng Kim Thư, sinh ngày 11-11-2012. Hiện nay, 02 con chung đang sống cùng bà H. Bà Đồng Thị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Đồng Kim Thi, sinh ngày 19-6-2017, Nguyễn Đồng Kim Thư, sinh ngày 11-11-2012 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, cháu Nguyễn Đồng Kim Thi, sinh ngày 19-6-2017, Nguyễn Đồng Kim Thư, sinh ngày 11-11-2012 chung sống với bà H vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt nên chấp nhận yêu cầu của bà H. Bà Đồng Thị H đề nghị không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xử lý phần tài sản chung, nợ chung.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Đồng Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

2. *Về con chung*:

Giao cho bà Đồng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đồng Kim Thi, sinh ngày 19-6-2017 cho đến khi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Giao cho bà Đồng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đồng Kim Thư, sinh ngày 11-11-2012 cho đến khi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Tạm thời ông Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đồng Thị H không có yêu cầu.

Ông Nguyễn Thành T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Bà Đồng Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036280 ngày 07-11-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm (Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 13;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đã đóng dấu)

Bùi Ai Giôn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Ai Giôn